

Lớp Daklak khóa 3 (TT GDTX Daklak K1), điểm giữa kỳ (30%) Tập hợp - Logic.

STT	Mã số SV	Họ tên	Ký tên	Điểm
1	.280	Hà Trung Ân		7
2	.281	Trần Thị Tuyết Anh		7
3	.282	Nguyễn Thị Lan Anh		5
4	.283	Vũ Thị Vân Anh		6
5	.284	Hoàng Thị Ánh		8
6	.285	Lã Thị Bắc		7
7	.286	Nguyễn Thị Bích		9
8	.287	Lê Thị Hoài Chung		0
9	.288	Nguyễn Thị Thùy Cúc		9
10	.289	Phạm Thị Dung		10
11	.290	Nguyễn Thị Kim Dung		7
12	.291	Trần Thị Tiên Dung		6
13	.292	Ngô Xuân Dũng		10
14	.293	Trần Thị Duy		8
15	.294	Trần Thị Duyên		8
16	.295	Nguyễn Thị Đậu		7
17	.296	Bach Công Đình		0
18	.297	Nguyễn Thị Diệp		8
19	.298	Vũ Thị Hồng Diệp		7
20	.299	Đặng Thị Kim Đông		8
21	.300	Nguyễn Thị Thùy Giang		5
22	.301	Trần Thị Thu Hằng		7
23	.302	Đinh Thị Hằng		7
24	.303	Đỗ Thị Thu Hằng		0
25	.304	Huỳnh Thị Hằng		9
26	.305	Nguyễn Thị Hằng		6
27	.306	Nguyễn Thị Hà		7
28	.307	Nguyễn Mai Hà		6
29	.308	Võ Thị Hà		7
30	.309	Nguyễn Thị Thu Hà		8
31	.310	Hồ Thị Hà		7
32	.311	Nguyễn Thị Hà		6
33	.312	Lê Thanh Hải		8
34	.313	Đinh Thị Hiền		7
35	.314	Hồ Thị Tố Hoa		7
36	.315	Bùi Thị Ánh Hồng		10
37	.316	Nguyễn Thị Hồng		9
38	.317	Trịnh Thị Hồng		7
39	.318	Nguyễn Thị Ánh Hồng		7
40	.319	Nguyễn Thị Hồng		4

41	.320	Lê Thị Thu Hoài	7
42	.321	Hồ Thị Ngọc Hương	8
43	.322	Phạm Thị Hương	7
44	.323	Trần Thị Thanh Hương	7
45	.324	Trần Thị Hường	8
46	.325	Nông Thị Huệ	7
47	.326	Đàm Nguyệt Kiều	6
48	.327	Nguyễn Thị Phương Kiều	8
49	.328	Nguyễn Thị Lân	8
50	.329	Nguyễn Thị Kim Lan	8
51	.330	Phạm Thị Lan	7
52	.331	Phạm Thị Liên	0
53	.332	Trương Thị Ngọc Linh	8
54	.333	Lê Thị Thanh Loan	8
55	.334	Lê Văn Lực	9
56	.335	Võ Kim Thảo Ly	7
57	.336	Đỗ Trúc Yến Ly	6
58	.337	Nguyễn Thị Lyna	9
59	.338	Phan Thị Lý	7
60	.339	Nguyễn Thị Lý	7
61	.340	Phạm Thị Mai	9
62	.341	Bạch Thị Mai	9
63	.342	Vũ Thanh Mai	9
64	.343	Trần Lê Thiện Mỹ	7
65	.344	Lương Thị Thanh Nga	8
66	.345	Nguyễn Thị Bích Nga	7
67	.346	Vũ Thị Thúy Nga	7
68	.347	Nguyễn Thị Hằng Nga	7
69	.348	Đinh Thị Ngân	6
70	.349	Nguyễn Thị Ngân	5
71	.350	Bùi Thị Ngoan	6
72	.351	Trần Thị Như Ngọc	7
73	.352	Tạ Thị Ngọc	6
74	.353	Nguyễn Thị Nhài	8
75	.354	Vũ Thị Nhân	8
76	.355	H' Thong Thíp Niê	6
77	.356	Nông Thị Nơi	7
78	.357	Nguyễn Thị Nương	8
79	.358	Bùi Thị Nở	8
80	.359	Đỗ Thị Phong	5
81	.360	Phạm Thị Kim Phượng	8
82	.361	Trần Thị Thanh	7

		Phượng	
83	.362	Lê Thị Hoài Phương	0
84	.363	Vũ Thị Minh Phương	6
85	.364	Hồ Thị Quỳnh	9
86	.365	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	7
87	.366	Y Lợi Rơ Luk	6
88	.367	Nguyễn Thị Rong	8
89	.368	Đoàn Sang	7
90	.369	Tạ Thị Sen	8
91	.370	Hoàng Thị Tâm	8
92	.371	Nguyễn Thị Thắm	9
93	.372	Hoàng Thị Thắm	8
94	.373	Lê Ngọc Thắng	6
95	.374	Nguyễn Thị Thanh	6
96	.375	Trần Thị Thanh	7
97	.376	Nguyễn Thị Hoài Thanh	8
98	.377	Lê Ngọc Thành	7
99	.378	Trần Thị Thảo	8
100	.379	Trần Thị Thảo	8
101	.380	Trịnh Thiên	8
102	.381	Đậu Thị Thu Thoa	8
103	.382	Trần Thị Thơm	7
104	.383	Phạm Văn Thỏ	6
105	.384	Nguyễn Thị Thu	7
106	.385	Nguyễn Thị Thanh Thùy	8
107	.386	Phạm Thị Thùy	7
108	.387	Đặng Thị Lệ Thủy	8
109	.388	Nguyễn Thị Thủy	6
110	.389	Trần Thị Thu Thủy	7
111	.390	Mạc Thị Thuyền	8
112	.391	Nguyễn Viết Tiến	7
113	.392	Trần Thế Tiền	8
114	.393	Phan Thị Hồng Tính	6
115	.394	Hoàng Thị Tình	6
116	.395	Nguyễn Thị Tươi	8
117	.396	Giáp Thị Trâm	8
118	.397	Bùi Thị Thùy Trang	8
119	.398	Phan Mai Trang	9
120	.399	Vũ Thị Huyền Trang	7
121	.400	Nguyễn Thị Tuyết Trang	7
122	.401	Đoàn Thị Trang	8
123	.402	Chu Thị Thùy Trang	7

124	.403	Lê Thị Thúy Trinh	6
125	.404	Nguyễn Tiến Trường	7
126	.405	Đàm Mạnh Tuấn	6
127	.406	Lê Kim Tuấn	8
128	.407	Phan Thị Tú	6
129	.408	Dương Văn Tú	8
130	.409	Nguyễn Thị Tuyền	6
131	.410	Nguyễn Thị Hải Vân	9
132	.411	Phan Thị Thanh Xuân	7
133	.412	Lê Thị Yến	8
134	.413	Phạm Thị Hải Yến	6
135		Nguyễn Thị Khoa	2
136		Y Thị Niê	4
137		H' Dlang Rje	5